

Phụ lục 123
BẢNG GIÁ ĐẤT XÃ QUẢNG TRỰC

I. Bảng giá nhóm đất nông nghiệp

1. Đất trồng cây hằng năm; đất trồng cây lâu năm; đất rừng sản xuất; đất nuôi trồng thủy sản:

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Loại đất	Giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
1	Đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)	65	57	48	35
2	Đất trồng cây lâu năm	72	62	56	36
3	Đất rừng sản xuất	24	21	18	15
4	Đất nuôi trồng thủy sản	33	27	24	19

2. Đất rừng phòng hộ; đất rừng đặc dụng: Giá đất được xác định bằng 80% giá đất rừng sản xuất cùng vị trí.

3. Đất chăn nuôi tập trung: Giá đất được xác định bằng 110% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

4. Đất nông nghiệp khác: Giá đất được xác định bằng 120% giá đất trồng cây hằng năm hoặc đất trồng cây lâu năm (chọn loại có giá cao hơn), cùng vị trí.

5. Đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có nhà ở: Giá đất được xác định bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp cùng loại đất đang sử dụng, cùng vị trí, nhưng mức giá tối đa không cao hơn giá đất phi nông nghiệp tại vị trí của thửa đất nông nghiệp đó; trường hợp theo quy định không xác định được loại đất nông nghiệp đang sử dụng thì xác định theo loại đất của diện tích đất nông nghiệp liền kề hoặc gần nhất (chọn theo loại đất có diện tích lớn nhất và theo thứ tự nếu không xác định được theo diện tích liền kề thì xác định theo diện tích đất gần nhất).

II. Bảng giá nhóm đất phi nông nghiệp:

1. Đất ở:

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Quốc lộ 14C	
	Từ ngã ba cây He đến ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Nam Tây Nguyên	134
	Từ ngã ba đường vào Công ty TNHH MTV Lâm Nghiệp Nam Tây Nguyên đến ngã ba Trạm xá Trung đoàn 726	339

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
	Từ ngã ba Trạm xá Trung đoàn 726 đến ngã ba đường vào xóm Đạo (Buru điện)	728
	Từ ngã ba đường vào xóm Đạo (buru điện) đến ngã ba Quốc lộ 14C mới	418
	Từ ngã ba Quốc lộ 14C mới đến cầu Đắc Huýt	339
	Từ cầu Đắc Huýt đến Trạm cửa khẩu Bu Prăng	204
	Từ ngã ba Lộc Ninh đến ngã tư nhà Điều Kran	235
	Từ ngã tư nhà Điều Kran đến giáp Đồng Nai	194
	Từ ngã ba Quốc lộ 14C mới đến cầu bon Bu Gia	376
	Từ cầu bon Bu Gia đến ngã ba đường vào Công ty Ngọc Biển	235
	Từ ngã ba đường vào Công ty Ngọc Biển đến giáp xã Quảng Tâm (cũ)	224
2	Đường liên xã	
	Từ ngã ba nhà ông Đỗ Ngọc Tâm đến hết đất nhà ông Điều Lý	185
	Từ hết đất nhà ông Điều Lý đến hết đất Công ty Việt Bul	152
	Từ hết đất Công ty Việt Bul đến giáp xã Tuy Đức	176
3	Đường liên bon	
	Từ đất nhà ông Trường đến nhà ông Chiên (giáp ngã ba Quốc lộ 14C mới)	143
	Từ Trạm xá trung đoàn đến ngã ba nhà ông Điều Lý	143
	Từ ngã ba bon Bu Dã (cây xăng) đến hết đất nhà ông Tuấn Thắm	801
	Từ hết đất nhà ông Tuấn Thắm đến ngã ba nhà ông Mai Ngọc Khoát	568
	Từ ngã ba đường đi xóm Đạo đến ngã ba Buru điện	224
	Từ ngã ba nhà bà Thị Ngum đến giáp Trung đoàn 726	516
	Từ ngã ba nhà ông Mai Ngọc Khoát đến nhà ông Điều Nhép (giáp Quốc lộ 14C mới)	464
	Từ ngã ba nhà ông Mai Ngọc Khoát (đường qua đập Đắc Ké) đến giáp Quốc lộ 14C mới	194
4	Đường vào Đồn 10	
	Từ ngã ba nhà bà Ngân đến hết Đồn 10	160
5	Đường vào Đắc Huýt	
	Từ ngã ba đi vào cánh đồng 2 đến nhà ông Điều Đê	129
	Từ nhà ông Điều Đê đến nhà ông Điều Trum	143
	Từ nhà ông Điều Trum đến giáp đất nhà ông Trần Đăng Minh	116
	Từ giáp đất nhà ông Trần Đăng Minh đến giáp ngã ba Quốc lộ 14C mới	105
6	Đường nội bon	
	Từ ngã ba nhà ông Trịnh đến giáp Quốc lộ 14C mới	105
	Từ ngã ba nhà ông Điều Khon đến ngã ba nhà bà Phi Úc	105
	Từ ngã ba nhà ông Khoa đến suối Đắc Ken	105
	Từ ngã ba nhà ông Điều Lé đến Quốc lộ rừng PH Thác Mơ	105
	Từ ngã ba nhà ông Hợp đến ngã ba nhà ông Phê	105
	Từ ngã ba nhà ông Khả đến đập Đắc Huýt 1	105
	Các tuyến đường nội bon Bu Lum	105
	Các tuyến đường nội bon Đắc Huýt	105
	Các tuyến đường nội bon Bup Răng 1, Bup Răng 2	151
7	Các tuyến đường liên thôn còn lại	
	Các tuyến đường liên thôn còn lại	110
8	Đất ở các khu dân cư còn lại	
	Đất ở các khu dân cư còn lại	94